

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI LEN
VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Len (sau đây gọi là “các Bên”);

Mong muốn tăng cường hợp tác hiệu quả giữa các cơ quan thực thi pháp luật của hai nước trong tổ tụng hình sự và đấu tranh chống tội phạm một cách hiệu quả hơn như là một cách thức bảo vệ nền dân chủ xã hội và các giá trị chung;

Trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quy định pháp luật;

Nhận thức đầy đủ về sự bảo đảm được quy định trong hệ thống pháp luật của mỗi Bên cho phép người bị buộc tội quyền được xét xử công bằng, trong đó bao gồm cả quyền được xem xét bởi một cơ quan tài phán khách quan được thành lập theo quy định của pháp luật;

Đã thỏa thuận như sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
ĐIỀU 1
PHẠM VI TƯƠNG TRỢ

1. Các Bên dành cho nhau sự tương trợ ở mức tối đa có thể, phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành của mỗi Bên vì mục đích tổ tụng hình sự.

2. Việc tương trợ cũng có thể được thực hiện trong quá trình tổ tụng liên quan đến các hành vi có thể bị trừng phạt theo quy định của pháp luật Bên yêu cầu hoặc Bên được yêu cầu do vi phạm các quy định của pháp luật, nơi vụ việc được đưa ra xét xử trước Tòa án có thẩm quyền về hình sự.

3. Tương trợ bao gồm:

- a) Lấy lời khai của một người theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu, kể cả thông qua hình thức đàm thoại trực tuyến hoặc truyền hình;
- b) Cung cấp tài liệu, hồ sơ lưu trữ và các vật chứng khác;
- c) Tổng đạt giấy tờ;

- d) Định vị hoặc nhận dạng người tại nơi mà yêu cầu đó là một phần của yêu cầu mở rộng chứng cứ;
- e) Chuyển giao người đang bị giam giữ theo quy định tại Điều 12 (Chuyển giao người bị giam giữ);
- f) Thực hiện yêu cầu khám xét và thu giữ;
- g) Nhận dạng, truy tìm, phong tỏa, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và trợ giúp trong các thủ tục tố tụng có liên quan;
- h) Trả lại tài sản;
- i) Phân chia tài sản theo quy định tại Chương II;
- j) Các hoạt động tương trợ khác theo sự thỏa thuận giữa các Cơ quan Trung ương.

ĐIỀU 2

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. “Thủ tục tố tụng hình sự” là điều tra, truy tố và xét xử tội phạm, bao gồm cả việc giam giữ, kê biên, phong tỏa và tịch thu tài sản do phạm tội mà có và các công cụ, phương tiện phạm tội.
2. “Công cụ, phương tiện phạm tội” là bất kỳ vật nào đã, đang được sử dụng hoặc có ý định sử dụng để thực hiện tội phạm.
3. “Tài sản” gồm tiền hoặc mọi loại động sản hoặc bất động sản, tài sản hữu hình hoặc vô hình và những lợi ích có được từ tài sản đó.
4. “Tài sản do phạm tội mà có” là bất kỳ tài sản và những lợi ích của tài sản đó thu được hoặc có nguồn gốc từ việc thực hiện hành vi phạm tội một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

ĐIỀU 3

CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Cơ quan Trung ương sẽ được hai Bên thành lập.
 - a) Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cơ quan Trung ương là Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
 - b)
 - (i) Đối với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Len, Cơ quan Trung ương đưa ra yêu cầu tương trợ là:
 - aa) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;
 - bb) Người phát ngôn Thượng viện (đối với các vấn đề liên quan đến Scotland).
 - ii) Đối với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Len, Cơ quan Trung ương nhận yêu cầu tương trợ là:

- aa) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;
- bb) Người phát ngôn Thượng viện (đối với các vấn đề liên quan đến Scotland); và/hoặc
- cc) Tổng cục Hải quan và Thuế Hoàng gia.

2. Các Cơ quan Trung ương liên hệ trực tiếp với nhau vì mục đích thực hiện Hiệp định này.

3. Các Bên có thể chỉ định một cơ quan khác là Cơ quan Trung ương vào bất kỳ thời điểm nào vì mục đích của Hiệp định này. Thông báo về việc chỉ định đó sẽ được thực hiện qua việc trao đổi công hàm ngoại giao.

4. Trong trường hợp khẩn cấp, yêu cầu tương trợ có thể được chuyển qua kênh Cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol).

ĐIỀU 4

TỪ CHỐI TƯƠNG TRỢ

1. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu có thể từ chối tương trợ nếu:

- a) Việc thực hiện yêu cầu xâm phạm đến chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết thực khác của Bên được yêu cầu;
- b) Yêu cầu tương trợ liên quan đến một người mà việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đó về tội phạm được yêu cầu tương trợ đã được hủy án hoặc tuyên vô tội hoặc đã bị kết án tại Bên được yêu cầu;
- c) Yêu cầu liên quan đến một tội phạm mà Bên được yêu cầu cho rằng đó là tội phạm quân sự;
- d) Yêu cầu liên quan đến thủ tục tố tụng hình sự mà việc tiến hành các thủ tục đó có động cơ chính trị; hoặc
- e) Hành vi có liên quan đến yêu cầu tương trợ không thỏa mãn quy định của pháp luật Bên được yêu cầu về nguyên tắc tội phạm kép.

2. Trước khi từ chối tương trợ theo Điều này, Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu sẽ trao đổi với Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu để xem xét liệu việc tương trợ có thể được thực hiện trên cơ sở đáp ứng các điều kiện mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết hay không. Nếu Bên yêu cầu chấp thuận việc tương trợ theo các điều kiện này thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

3. Nếu Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu từ chối tương trợ phải thông báo cho Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu về lý do từ chối.

ĐIỀU 5

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ

1. Yêu cầu tương trợ phải được lập thành văn bản. Yêu cầu tương trợ được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Yêu cầu tương trợ gồm có:

a) Tên và địa chỉ cơ quan tiến hành tố tụng liên quan đến yêu cầu tương trợ;

b) Vụ việc và bản chất của thủ tục tố tụng mà theo đó yêu cầu được lập;

c) Bản tóm tắt thông tin về yêu cầu tương trợ, bao gồm cả hình phạt áp dụng và bản sao nội dung các điều luật áp dụng;

d) Bản mô tả về chứng cứ hoặc các trợ giúp khác và chi tiết về thời hạn của tòa án hoặc bất kỳ thời hạn nào khác; và

e) Mục đích thu thập chứng cứ hoặc các trợ giúp khác.

3. Trong phạm vi cần thiết và có thể, một yêu cầu tương trợ còn bao gồm;

a) Nhận dạng, ngày sinh, quốc tịch và nơi cư trú của người là đối tượng thu thập chứng cứ;

b) Nhận dạng, ngày sinh, quốc tịch và nơi cư trú của người được tổng đạt, mối quan hệ của người đó trong vụ việc và cách thức thực hiện yêu cầu tổng đạt;

c) Thông tin hiện có về nhận dạng và nơi ở của người đó;

d) Bản mô tả chi tiết về nơi cần được khám xét và các đồ vật cần thu giữ;

e) Bản mô tả về cách thức lấy và lưu giữ lời khai;

f) Danh sách câu hỏi người làm chứng hoặc nhà chuyên môn;

g) Bản mô tả về thủ tục cụ thể cần được thực hiện để thực hiện yêu cầu;

h) thông tin về tiền trợ cấp và chi phí mà người được yêu cầu làm chứng trên lãnh thổ Bên yêu cầu được hưởng;

i) Các thông tin khác có thể đẩy nhanh việc thực hiện yêu cầu của Bên được yêu cầu; và

j) Các yêu cầu về bảo mật.

ĐIỀU 6

THỰC HIỆN YÊU CẦU

1. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thực hiện ngay yêu cầu tương trợ hoặc, trong trường hợp cần thiết, chuyển yêu cầu tương trợ cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện. Cán bộ có thẩm quyền của Bên được yêu cầu sẽ làm mọi việc trong phạm vi quyền hạn của mình để thực hiện yêu cầu tương trợ đó.

2. Bên được yêu cầu tuân theo các thủ tục và trình tự do Bên được yêu cầu đưa ra trừ trường hợp khác được quy định tại Hiệp định này, với điều kiện là các thủ tục và trình tự đó không trái với các quy định của pháp luật Bên được yêu cầu.

3. Nếu Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu xác định rằng việc thực hiện yêu cầu sẽ can thiệp vào quá trình tố tụng đang được thực hiện hoặc xâm phạm sự an toàn của bất kỳ cá nhân nào trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, Cơ quan Trung ương của Bên đó có thể hoãn việc thực hiện hoặc đưa ra các điều kiện cần thiết để thực hiện yêu cầu đó. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận sự tương trợ có điều kiện thì Bên yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện đó.

4. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu tạo điều kiện cho những người được chỉ định trong yêu cầu tương trợ tham gia thực hiện yêu cầu tương trợ đó.

5. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu có thể đề nghị Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu cung cấp thêm thông tin hoặc tiến hành các thủ tục khác để tạo thuận lợi hơn cho Bên được yêu cầu thực hiện yêu cầu nếu thấy cần thiết. Bên được yêu cầu có thể đề nghị cung cấp các thông tin thêm đó theo một mẫu cụ thể.

6. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu thông báo ngay cho Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu về bất cứ trường hợp nào không phù hợp khi thực hiện yêu cầu hoặc cần có điều chỉnh trong yêu cầu.

7. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

8. Bên được yêu cầu, trong quyền hạn được phép theo quy định của pháp luật nước mình, cung cấp chứng cứ được yêu cầu theo các mẫu do Bên yêu cầu đưa ra.

ĐIỀU 7

THÔNG TIN KHÔNG BẮT BUỘC

1. Cơ quan Trung ương của một Bên có thể chuyển thông tin đến Cơ quan Trung ương của Bên kia khi cho rằng việc cung cấp thông tin đó có thể hỗ trợ cho Bên nhận thông tin trong việc thực hiện các hoạt động tố tụng hình sự hoặc có thể dẫn tới việc Bên kia đưa ra một yêu cầu tương trợ theo quy định của Hiệp định này mà không cần phải có các yêu cầu trước.

2. Bên cung cấp thông tin có thể đưa ra các điều kiện cho Bên tiếp nhận trong việc sử dụng thông tin đó. Bên tiếp nhận thông tin phải tuân thủ các điều kiện này.

ĐIỀU 8

CHI PHÍ

1. Bên được yêu cầu trả toàn bộ chi phí liên quan đến việc thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ các chi phí sau sẽ do Bên yêu cầu chi trả:

- a) Phí trả cho nhân chứng là nhà chuyên môn;
- b) Các khoản trợ cấp và chi phí phát sinh theo quy định tại Điều 10 (Lấy lời khai và Thu thập chứng cứ trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu) và Điều 11 (Lấy lời khai tại Bên yêu cầu);
- c) Chi phí lắp đặt và vận hành hệ thống đàm thoại trực tuyến hoặc truyền hình, chi phí phiên dịch và dịch thuật cho các công đoạn đó;
- d) Chi phí chuyển giao người giam giữ theo Điều 12 (Chuyển giao người bị giam giữ);
- e) Các chi phí trên do Bên yêu cầu chi trả nếu có sự đồng ý theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu thông báo cho Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu rằng việc thực hiện yêu cầu có thể phát sinh chi phí hoặc các khoản chi đột xuất khác, hoặc nếu có yêu cầu khác, các Cơ quan Trung ương sẽ trao đổi để đạt được một thỏa thuận về các điều kiện theo đó yêu cầu sẽ được thực hiện và cách thức chi trả các khoản đó.

ĐIỀU 9

BẢO MẬT VÀ HẠN CHẾ SỬ DỤNG

1. Bên được yêu cầu nếu được yêu cầu sẽ giữ bí mật tất cả thông tin liên quan đến yêu cầu tương trợ đã được đưa ra hoặc đã được đáp ứng.

2. Nếu yêu cầu không thể được thực hiện mà không làm lộ bí mật, Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu biết để xác định xem liệu có mong muốn thực hiện yêu cầu tương trợ trong trường hợp đó hay không và thực hiện đến mức độ nào.

3. Bên yêu cầu không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin hoặc chứng cứ đã thu thập được theo Hiệp định này vì những mục đích khác mà không được sự đồng ý trước của Bên yêu cầu ngoài những mục đích tố tụng đã nêu rõ trong yêu cầu tương trợ.

4. Trừ khi Bên được yêu cầu có ý kiến khác khi thực hiện yêu cầu, thông tin hoặc chứng cứ đã được công bố trước phiên tòa xét xử công khai liên quan đến yêu cầu tương trợ sẽ được sử dụng cho bất kỳ mục đích gì khác sau đó.

5. Không có quy định nào trong Điều này ngăn cản việc sử dụng hoặc tiết lộ thông tin trong phạm vi mà theo quy định của pháp luật của Bên yêu cầu là bắt buộc phải được sử dụng hoặc tiết lộ để phục vụ việc xét xử. Bên yêu cầu, bất kỳ khi nào có thể, thông báo trước cho Bên được yêu cầu về sự tiết lộ đó.

ĐIỀU 10

LẤY LỜI KHAI VÀ THU THẬP CHỨNG CỨ TRÊN LÃNH THỔ CỦA BÊN ĐƯỢC YÊU CẦU

1. Một người trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu có thể bị bắt buộc có mặt theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai hoặc tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu, nếu điều đó là cần thiết.

2. Trường hợp người bị bắt buộc phải có mặt nêu trên đưa ra yêu cầu về quyền được miễn trừ hoặc không có năng lực hành vi hoặc được hướng dẫn đặc quyền theo pháp luật Bên yêu cầu, Bên yêu cầu phải được thông báo về đề nghị đó và các chứng cứ kèm theo trừ khi Bên yêu cầu chấp thuận tính hợp pháp của tuyên bố đó.

3. Căn cứ vào yêu cầu tương trợ, Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về thời gian và địa điểm thu thập chứng cứ theo quy định của Điều này.

4. Trường hợp theo Điều 6 (4) (Thực hiện yêu cầu) của Hiệp định này, Bên được yêu cầu cho phép người được chỉ định có mặt trong quá

trình thực hiện yêu cầu tương trợ, thì tùy thuộc vào quy định của pháp luật Bên được yêu cầu, người đó có thể được cho phép đưa ra câu hỏi để hỏi người làm chứng hoặc cung cấp bằng chứng.

ĐIỀU 11

LẤY LỜI KHAI TẠI BÊN YÊU CẦU

1. Một yêu cầu theo Hiệp định này có thể được đưa ra để một người có mặt nhanh chóng trên lãnh thổ của Bên yêu cầu để làm chứng trước tòa hoặc để nhận dạng hoặc thực hiện các trợ giúp khác trong bất kỳ quá trình tố tụng hình sự nào.

2. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu sẽ:

a) Hỏi người có liên quan xem người đó có tình nguyện có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu hay không; và

b) Thông báo ngay cho Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu về câu trả lời của người đó.

3. Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu có thể thỏa thuận để đảm bảo ở mức cao nhất có thể cho một người có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu theo quy định của Điều này không thể bị truy tố hoặc bị tạm giam hoặc bị hạn chế quyền tự do cá nhân vì lý do về một hành động hoặc bị kết tội tại Bên yêu cầu trước khi người đó rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

4. Những thỏa thuận theo khoản 3 sẽ hết hiệu lực mười lăm ngày kể từ ngày Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu thông báo cho Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu rằng sự có mặt của người đó là không cần thiết nữa hoặc khi người đó đã rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu nhưng lại tình nguyện quay lại. Những thỏa thuận này có thể được các Bên nhất trí gia hạn trong trường hợp phát sinh các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của người có liên quan, trừ khi người đó thực hiện một tội phạm.

ĐIỀU 12

CHUYỂN GIAO NGƯỜI ĐANG BỊ GIAM GIỮ

1. Khi Bên được yêu cầu nhận được yêu cầu chuyển giao một người đang bị giam giữ trên lãnh thổ của Bên đó tới lãnh thổ của Bên yêu cầu để trợ giúp theo quy định của Hiệp định này thì người đó sẽ được chuyển giao khi có sự đồng ý của người đó và của Cơ quan Trung ương cả hai Bên.

2. Bên yêu cầu sẽ chịu trách nhiệm về sự an toàn của người được chuyển giao và có quyền và nghĩa vụ giữ người được chuyển giao trong trại giam trừ khi Bên được yêu cầu có quy định khác.

3. Bên yêu cầu sẽ trao trả người được chuyển giao đang bị giam giữ cho Bên được yêu cầu sớm nhất có thể và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được muộn hơn ngày mà theo đó, người đó sẽ phải được trả tự do trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu trừ khi có sự đồng ý của cả hai Cơ quan Trung ương và người được chuyển giao.

4. Bên yêu cầu không được đề nghị Bên được yêu cầu thực hiện thủ tục dẫn độ trong việc trao trả người được chuyển giao.

5. Thời hạn giam giữ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu sẽ được trừ vào thời hạn giam giữ mà người đó có nghĩa vụ phải thực hiện trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

ĐIỀU 13

HỒ SƠ CHÍNH THỨC

1. Khi được yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ cung cấp cho Bên yêu cầu bản sao hồ sơ đã được công khai thuộc quyền quản lý của Bên được yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu có thể, phù hợp với pháp luật nước mình, cung cấp bản sao các hồ sơ chính thức thuộc quyền quản lý của mình nhưng chưa được công khai, theo cùng mức độ và cùng điều kiện như trong trường hợp các bản sao đó được cung cấp cho các cơ quan thực thi pháp luật hoặc cơ quan tư pháp của Bên đó.

ĐIỀU 14

TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỀ TỘI PHẠM

Mỗi Bên có thể thông báo cho Bên kia về tiền án và các biện pháp đã áp dụng đối với công dân của Bên kia.

ĐIỀU 15

TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ

1. Khi được yêu cầu và trong chừng mực có thể, Bên được yêu cầu sẽ thực hiện việc tổng đạt giấy tờ sau:

- a) Bất kỳ lệnh nào trong quá trình tổ tụng hình sự;
- b) Bất kỳ giấy tờ nào của một cơ quan có thẩm quyền vì mục đích giải quyết vụ việc.

2. Bất kỳ người nào nhận được giấy triệu tập mà không có mặt sẽ không bị trừng phạt hoặc áp dụng các biện pháp hạn chế, kể cả trong trường hợp giấy triệu tập đó đã có thông báo về hình phạt, trừ khi người đó tự nguyện đến lãnh thổ của Bên yêu cầu và tại đó được triệu tập lại.

3. Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu sẽ chuyển yêu cầu về việc tổng đạt giấy tờ trong đó yêu cầu một người phải có mặt trước cơ quan có thẩm quyền hoặc tòa án tại Bên yêu cầu trong khoảng thời gian thích hợp trước khi người đó phải có mặt theo yêu cầu nói trên.

4. Bên được yêu cầu sẽ gửi lại bằng chứng về việc tổng đạt giấy tờ ngay khi có thể theo cách thức đã được xác định trong yêu cầu.

ĐIỀU 16

KHÁM XÉT VÀ THU GIỮ

1. Bên được yêu cầu sẽ thực thi yêu cầu khám xét, thu giữ và cung cấp bất kỳ vật chứng nào cho Bên yêu cầu nếu yêu cầu đó bao gồm những thông tin xác nhận các hoạt động đó theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu và được tiến hành phù hợp với pháp luật của Bên đó.

2. Bên được yêu cầu có thể từ chối nếu yêu cầu liên quan đến thẩm quyền khám xét và thu giữ không thể thi hành được trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu trong các trường hợp tương tự.

3. Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu có thể đề nghị Bên yêu cầu chấp thuận các giới hạn và điều kiện mà Bên được yêu cầu thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của Bên thứ ba trong việc chuyển giao.

ĐIỀU 17

TRẢ LẠI TÀI LIỆU VÀ VẬT CHỨNG

Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu phải trả lại mọi tài liệu và vật chứng đã được chuyển giao để thực hiện một yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này ngay sau khi sử dụng xong trừ khi Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu thấy không cần thiết phải nhận hoặc vật chứng đó.

ĐIỀU 18

TRỢ GIÚP TRONG HOẠT ĐỘNG THU GIỮ TÀI SẢN

1. Các Bên sẽ trợ giúp cho nhau trong hoạt động nhận dạng, tìm kiếm dấu vết, kê biên, phong tỏa, tạm giữ và tịch thu tài sản và công cụ, phương tiện phạm tội.

2. Ngoài các quy định tại Điều 5 (Hình thức và Nội dung của Yêu cầu), một yêu cầu tương trợ trong việc kê biên, phong tỏa hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có còn có thể bao gồm:

- a) Chi tiết về tài sản liên quan trong hợp tác tìm kiếm;
- b) Vị trí của tài sản và mối liên hệ trong yêu cầu tương trợ;
- c) Mối liên quan, nếu có, giữa tài sản và hành vi phạm tội;

- d) Chi tiết về lợi ích của bên thứ ba có liên quan đối với tài sản đó;
- e) Bản sao được xác nhận lệnh kê biên, phong tỏa hoặc tịch thu và giải thích về cơ sở của việc ra lệnh nếu điều đó không được chỉ rõ trong lệnh.

3. Nếu Cơ quan Trung ương của một Bên biết được tài sản hoặc phương tiện phạm tội đang ở trên lãnh thổ của Bên kia và có khả năng kê biên, phong tỏa, tạm giữ hoặc tịch thu theo pháp luật của Bên đó thì có thể thông báo cho Cơ quan Trung ương của Bên kia biết. Nếu Bên được thông báo có thẩm quyền, thông tin này có thể được đệ trình lên cơ quan có thẩm quyền để xác định các hoạt động cần thiết. Cơ quan có thẩm quyền nói trên có thể ra quyết định phù hợp với pháp luật nước mình và Cơ quan Trung ương của nước đó phải đảm bảo rằng Bên kia được biết đầy đủ về các hoạt động được tiến hành.

ĐIỀU 19

TRẢ LẠI TÀI SẢN

1. Khi một hành vi phạm tội được thực hiện và một lời buộc tội đã được đưa ra tại Bên yêu cầu, tài sản do Bên được yêu cầu thu giữ có thể được trao trả lại Bên yêu cầu để sung công theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu.

2. Quyền được khiếu nại của các bên thứ ba ngay tình về tài sản đó phải được tôn trọng.

3. Việc trao trả được tiến hành khi phán quyết cuối cùng đã được đưa ra tại Bên yêu cầu. Tuy nhiên, Bên được yêu cầu có thể trả lại tài sản trước khi kết thúc thủ tục tố tụng phù hợp với pháp luật Bên đó.

ĐIỀU 20

TRẢ LẠI CÔNG QUỸ BỊ BIỂN THỦ

1. Khi Bên được yêu cầu thu giữ hoặc tịch thu tài sản có nguồn gốc là công quỹ bị biển thủ của Bên yêu cầu, có hay không có hành vi rửa tiền, thì Bên được yêu cầu sẽ trao trả lại tài sản đã tịch thu đó cho Bên yêu cầu sau khi đã trừ đi các chi phí hóa giá tài sản.

2. Việc trả lại công quỹ bị biển thủ được tiến hành khi phán quyết cuối cùng được đưa ra tại Bên yêu cầu. Tuy nhiên, Bên được yêu cầu có thể trả lại số tiền đó trước khi kết thúc thủ tục tố tụng theo pháp luật Bên đó.

CHƯƠNG II
PHÂN CHIA TÀI SẢN HOẶC CÁC KHOẢN TIỀN TƯƠNG ỨNG
TỊCH THU ĐƯỢC

ĐIỀU 21
CÁC TRƯỜNG HỢP CÓ THỂ PHÂN CHIA TÀI SẢN

Trường hợp một Bên (Bên chiếm hữu tài sản) sở hữu tài sản tịch thu được nhờ sự trợ giúp của Bên kia (Bên hợp tác) thì Bên chiếm hữu tài sản có thể phân chia tài sản đó cho Bên đã hợp tác.

ĐIỀU 22
YÊU CẦU PHÂN CHIA TÀI SẢN

1. Bên hợp tác có thể yêu cầu phân chia tài sản từ Bên chiếm hữu tài sản phù hợp với quy định trong Hiệp định này nếu sự hợp tác của Bên đó đã đem lại hoặc hứa hẹn sẽ đem lại thành công trong việc tịch thu tài sản. Yêu cầu phân chia tài sản phải được đưa ra trong vòng một năm kể từ ngày lệnh tịch thu cuối cùng được thực hiện trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác.

2. Một đề nghị theo khoản 1 Điều này phải nêu rõ các nội dung của hoạt động hợp tác có liên quan và chi tiết cụ thể để Bên chiếm hữu tài sản xác định vụ việc, tài sản và cơ quan hoặc các cơ quan có liên quan.

3. Khi nhận được một yêu cầu phân chia tài sản phù hợp với Điều này, Bên chiếm hữu tài sản sẽ:

- a) Xem xét liệu có thể phân chia tài sản theo quy định tại Điều 21 (Các trường hợp có thể phân chia tài sản) của Chương này hay không, và
- b) Thông báo cho Bên đã yêu cầu phân chia tài sản về kết quả xem xét đó.

4. Trong trường hợp xác định được người bị hại, các quyền lợi của người bị hại sẽ được ưu tiên xem xét trước khi tính đến việc phân chia tài sản giữa các Bên.

ĐIỀU 23
PHÂN CHIA TÀI SẢN

1. Khi Bên chiếm hữu tài sản đề nghị phân chia tài sản với Bên hợp tác, Bên đó sẽ:

a) Xác định tỷ lệ tài sản sẽ được phân chia trên cơ sở xem xét, đánh giá về kết quả hợp tác của Bên kia; và

b) Chuyển một khoản tiền bằng với tỷ lệ tài sản phân chia cho Bên hợp tác phù hợp với Điều 24 (Phương thức thanh toán tài sản được phân chia) của Chương này.

2. Các Bên đồng ý rằng việc phân chia tài sản có thể không thích hợp khi giá trị của tài sản hoặc sự trợ giúp của Bên hợp tác là *không đáng kể*.

ĐIỀU 24

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÀI SẢN ĐƯỢC PHÂN CHIA

1. Trừ khi có thỏa thuận khác giữa các Bên, bất kỳ số tiền nào theo quy định của Điều 23(1)(b) (Phân chia tài sản) của Chương này sẽ được thanh toán:

a) Bằng đơn vị tiền tệ của Bên chiếm hữu tài sản; và

b) Theo phương thức chuyển khoản hoặc séc.

2. Các khoản tiền nêu trên sẽ được thanh toán cho Bên nhận hoặc các Bên nhận do Bên hợp tác chỉ định vào từng thời điểm cụ thể theo thông báo cho mục đích quy định tại Điều này.

ĐIỀU 25

ÁP DỤNG ĐIỀU KIỆN

Trừ khi có sự thỏa thuận khác giữa các Bên, khi Bên chiếm hữu tài sản chuyển tiền theo quy định tại Điều 23(1)(b) (Phân chia tài sản) nói trên, Bên đó sẽ không được áp đặt bất kỳ điều kiện nào cho Bên hợp tác trong việc sử dụng số tiền đó, và cụ thể là không được yêu cầu Bên hợp tác phân chia số tiền đó với bất kỳ nước, tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 26

BẢO VỆ DỮ LIỆU

1. Một Bên nào có thể từ chối việc chuyển dữ liệu cá nhân thu được do việc thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này nếu việc chuyển dữ liệu đó bị cấm theo quy định của pháp luật nước đó.

2. Dữ liệu cá nhân đã được chuyển giao từ một Bên cho Bên kia như là kết quả của việc thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này sẽ chỉ được Bên nhận dữ liệu sử dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Để tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự quy định trong Hiệp định này;

b) Để tiến hành các thủ tục tư pháp hoặc hành chính liên quan trực tiếp đến tố tụng hình sự đề cập tại khoản (a);

c) Để ngăn chặn các mối đe dọa trực tiếp và nghiêm trọng đến an ninh công cộng.

3. Tuy nhiên, các dữ liệu đó có thể được sử dụng vì mục đích khác nếu có sự đồng ý trước của Bên đã chuyển dữ liệu đó hoặc Bên quản lý dữ liệu đó.

4. Bất kỳ Bên nào đã chuyển dữ liệu cá nhân có được do kết quả của việc thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này đều có thể yêu cầu Bên nhận dữ liệu cung cấp thông tin về việc sử dụng các dữ liệu đó.

ĐIỀU 27

PHÙ HỢP VỚI CÁC THỎA THUẬN KHÁC

Việc tương trợ và thủ tục theo Hiệp định này không ngăn cản bất kỳ Bên nào trong việc tương trợ với các Bên khác theo các thỏa thuận quốc tế mà Bên đó là thành viên, hoặc theo các quy định của pháp luật của Bên đó. Các Bên cũng có thể trợ giúp cho nhau dựa trên bất kỳ một thỏa thuận, hiệp định hoặc thực tiễn nào được các cơ quan thực thi pháp luật của các Bên áp dụng.

ĐIỀU 28

THAM VẤN

Cơ quan Trung ương của các Bên có thể tham vấn, theo đề nghị của một trong hai Bên, về việc triển khai Hiệp định này trên bình diện chung hoặc trong từng vụ việc cụ thể. Các Cơ quan Trung ương cũng có thể thỏa thuận về các biện pháp thực tiễn cần thiết để tạo thuận lợi trong thực thi Hiệp định này.

ĐIỀU 29

ÁP DỤNG

1. Hiệp định này áp dụng đối với các hành vi phạm tội trước hoặc sau ngày Hiệp định này có hiệu lực.

2. Hiệp định này áp dụng:

a) Về phía Việt Nam: trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Về phía Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Len: trên lãnh thổ Vương quốc Anh và Bắc Ai Len và bất kỳ vùng lãnh thổ nào có mối quan hệ quốc tế mà Vương quốc Anh chịu trách nhiệm và các mối quan hệ quốc tế được mở rộng bằng thỏa thuận giữa hai Bên qua việc trao đổi công hàm.

3. Việc áp dụng Hiệp định này đối với bất kỳ lãnh thổ nào được mở rộng theo khoản 2 Điều này có thể được chấm dứt sau sáu (6) tháng kể từ ngày một Bên gửi Công hàm về việc chấm dứt đó cho Bên kia qua đường ngoại giao.

ĐIỀU 30

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Các Bên giải quyết tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này bằng việc tham vấn hoặc qua đường ngoại giao nếu cần thiết.

ĐIỀU 31

HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn trừ khi một trong các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia qua đường ngoại giao về việc chấm dứt Hiệp định. Việc chấm dứt đó sẽ có hiệu lực sau sáu (6) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo.

3. Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng đối với các yêu cầu tương tự được đưa ra trước ngày kết thúc Hiệp định.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được sự ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Được làm thành hai bản tại Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2009 bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau.

THAY MẶT CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THAY MẶT LIÊN HIỆP VƯƠNG QUỐC
ANH VÀ BẮC AI LEN

**Thượng tướng Lê Thế
Tiệm** Thứ trưởng Bộ Công an

Ngài Peter Ricketts Thứ trưởng
Thường trực Bộ Ngoại giao

